

Số: 112/2019/QĐST-HNGĐ

A, ngày 11 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Bùi Thị H, trú tại: Khu 6, thị trấn T, huyện T, thành phố H và anh Nguyễn Văn Đ, trú tại: Thôn P, xã C, huyện A, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, thành phố H vào ngày 17 tháng 12 năm 2007. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến năm 2008 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường hay nghi ngờ nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung là Nguyễn Sông H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2010. Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ thỏa thuận giao cho anh

Nguyễn Văn Đ nuôi cả hai con cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Bùi Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ thỏa thuận chị Bùi Thị H nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 7 năm 2019 và đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ ngày 02 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con Nguyễn Sông H, sinh ngày 10 tháng 7 năm 2008 và Nguyễn Minh G, sinh ngày 26 tháng 4 năm 2010 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, chị Bùi Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 8 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Bùi Thị H nhận nộp cả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền chị Bùi

Thị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017279 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố H. Chị Bùi Thị H đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Hải

